

# CPA HANOI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Thành viên hãng *AicA*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

---

<b>MỤC LỤC</b>	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<i>Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	06 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014</i>	09
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2014</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014</i>	11 - 12
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	13 - 33

11/2014  
50/11



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Thành lập: Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh sau này

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 đồng Việt Nam

Hoạt động chính trong năm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán

Trụ sở chính: Số 121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

#### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

##### *Hội đồng Quản trị*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Trần Đức Thuận	Chủ tịch	30/06/2014	-
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	30/06/2014	-
Bà Trần Thị Bích Hạnh	Thành viên	30/06/2014	-
Ông Lê Quang Sự	Thành viên	-	30/06/2014
Bà Nguyễn Thụy Như Ý	Thành viên	-	30/06/2014

(Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 5114/NQ-ĐHĐCĐ-ISC-2014 ngày 30 tháng 06 năm 2014, nhiệm kỳ 2014 – 2019)

##### *Ban Tổng Giám đốc*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Đức Thuận	Tổng Giám đốc	26/02/2009
Ông Nguyễn Xuân Trường	Kế toán trưởng	01/12/2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)**

**Ban kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Ông Dương Quang Thoại	Trưởng ban	30/06/2014
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên	30/06/2014
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên	30/06/2014

(Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 5114/NQ-ĐHĐCĐ-ISC-2014 ngày 30 tháng 06 năm 2014, nhiệm kỳ 2014 – 2019)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: 121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Đức Thuận**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



## CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

*Số tham chiếu: 15-2-0010/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM*

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (“Công ty”), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 33.

#### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo thông tin trình bày tại mục 15 bản thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục “Phải trả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán” tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 14.693.487.000 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán đối với số dư này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư của khoản mục này hay không.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 21 về khoản thu nhập khác từ cho thuê mặt bằng của Công ty. Công ty chưa đăng ký ngành nghề cho thuê tài sản. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

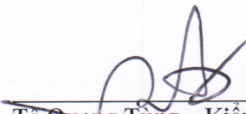
### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (American Audit). Công ty Kiểm toán Mỹ đã phát hành báo cáo kiểm toán số 048/2013/BCKT-AA ngày 31 tháng 03 năm 2014 với ý kiến từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này trên cơ sở: “Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam có ký một số hợp đồng hợp tác kinh doanh môi giới chứng khoán với một số tổ chức, cá nhân và tính lãi phải thu đối với các hợp đồng này. Tổng giá trị của 4 hợp đồng đặt cọc thu gom chứng khoán này là 145 tỷ đồng (chiếm 67% tổng tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013). Các hợp đồng này chưa được pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định nên chứa nhiều rủi ro”. Tuy nhiên, Công ty đã thanh lý và thu hồi đầy đủ tiền từ các hợp đồng này trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nên chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ hay nhấn mạnh đối với các hợp đồng này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 07 (bảy) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam giữ 06 (sáu) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.



**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội**  
Nguyễn Ngọc Tinh – Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

  
Tô Quang Tùng – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>173.838.117.408</b>	<b>213.215.055.935</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	<b>168.327.245.078</b>	<b>28.112.730.389</b>
1. Tiền	111		23.327.245.078	28.112.730.389
2. Các khoản tương đương tiền	112		145.000.000.000	-
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<b>5.170.676.993</b>	<b>184.100.237.725</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	152.864.636	37.277.638.018
2. Trả trước cho người bán	132	6	20.000.000	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	4.652.234.579	1.822.599.707
4. Phải thu khác	138	6	23.040.032.885	167.694.455.107
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(22.694.455.107)	(22.694.455.107)
<i>III. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<b>340.195.337</b>	<b>1.002.087.821</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	170.483.000	-
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	13a	1.000.000	10.115.484
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	168.712.337	991.972.337
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.415.812.305</b>	<b>4.511.711.614</b>
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	<i>9</i>	<b>980.978.043</b>	<b>1.903.423.354</b>
1. <i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221		709.530.482	1.458.196.079
- Nguyên giá	222		6.775.195.115	6.840.597.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.065.664.633)	(5.382.401.036)
2. <i>Tài sản cố định vô hình</i>	227	10	271.447.561	445.227.275
- Nguyên giá	228		1.154.058.000	1.154.058.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(882.610.439)	(708.830.725)
<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<b>3.434.834.262</b>	<b>2.608.288.260</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	825.416.787	140.483.000
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	2.609.417.475	2.467.805.260
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>178.253.929.713</b>	<b>217.726.767.549</b>

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)



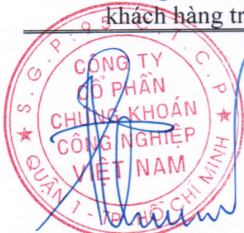
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.149.401.580</b>	<b>71.267.313.656</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.577.401.580</b>	<b>71.267.313.656</b>
1. Phải trả người bán	312		345.658.098	443.693.214
2. Người mua trả tiền trước	313		-	203.519.994
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13b	1.559.008.398	1.762.364.070
4. Phải trả người lao động	315		1.277.110.255	634.112.339
5. Chi phí phải trả	316	14	32.500.000	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	23.658.828.022	67.543.142.698
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	94.515.764	97.432.103
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	30.200
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		201.541.043	174.779.038
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		408.240.000	408.240.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>572.000.000</b>	<b>-</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		572.000.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>150.104.528.133</b>	<b>146.459.453.893</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>150.104.528.133</b>	<b>146.459.453.893</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.584.000.000	10.584.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.520.528.133	875.453.893
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>178.253.929.713</b>	<b>217.726.767.549</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	006		<b>354.055.680.000</b>	<b>402.107.740.000</b>
Trong đó:				
<i>1.1. Chứng khoán giao dịch</i>	007		<i>182.515.630.000</i>	<i>285.552.090.000</i>
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		182.515.630.000	285.552.090.000
<i>1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012		<i>14.550.000</i>	-
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		14.550.000	-
<i>1.3. Chứng khoán cầm cố</i>	017		<i>110.000.000.000</i>	<i>113.500.000.000</i>
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		110.000.000.000	113.500.000.000
<i>1.4. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027		<i>8.363.300.000</i>	<i>2.991.100.000</i>
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		8.363.300.000	2.991.100.000
<i>1.5. Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037		<i>53.162.200.000</i>	<i>64.550.000</i>
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		53.162.200.000	64.550.000
<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	050		<b>25.209.590.000</b>	<b>1.297.650.000</b>
Trong đó:				
<i>2.1. Chứng khoán giao dịch</i>	051		<i>25.068.590.000</i>	-
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		25.068.590.000	-
<i>2.2. Chứng khoán chờ thanh toán</i>	071		<i>141.000.000</i>	-
2.2.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		141.000.000	-
<i>2.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	076		-	<i>1.297.650.000</i>
2.3.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	1.297.650.000



**Trần Đức Thuận**  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

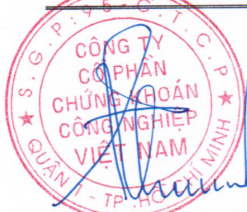
**Nguyễn Xuân Trường**  
Kế toán trưởng

**Dương Quỳnh**  
Người lập biểu

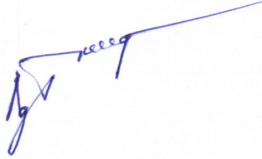


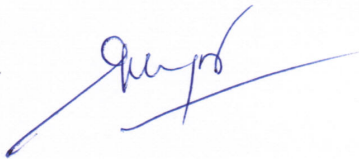
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM**121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM  
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189**Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>1. Doanh thu</b>	01		<b>9.267.146.997</b>	<b>50.936.477.279</b>
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.709.645.406	2.468.659.070
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.415.000.000	6.943.636.364
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		239.803.489	298.433.868
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9	18	2.902.698.102	41.225.747.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	10		<b>9.267.146.997</b>	<b>50.936.477.279</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	<b>4.109.098.928</b>	<b>6.541.721.232</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>5.158.048.069</b>	<b>44.394.756.047</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	<b>8.836.310.971</b>	<b>29.846.089.357</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(3.678.262.902)</b>	<b>14.548.666.690</b>
8. Thu nhập khác	31	21	<b>8.291.382.045</b>	<b>5.837.586.639</b>
9. Chi phí khác	32	22	<b>24.922.824</b>	<b>163.221.234</b>
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>8.266.459.221</b>	<b>5.674.365.405</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>4.588.196.319</b>	<b>20.223.032.095</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	943.122.079	479.354.679
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>3.645.074.240</b>	<b>19.743.677.416</b>
<b>15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	24	<b>270</b>	<b>1.462</b>



**Trần Đức Thuận**  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

  
**Nguyễn Xuân Trường**  
Kế toán trưởng

  
**Dương Quỳnh**  
Người lập biểu

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM  
 Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
	VND	VND	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-
1	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	10.584.000.000	10.584.000.000	-	-	-	-
2	10.584.000.000	10.584.000.000	-	-	-	-
LN chưa phân phối	(18.868.223.523)	875.453.893	19.743.677.416	-	3.645.074.240	-
3	(18.868.223.523)	875.453.893	19.743.677.416	-	3.645.074.240	-
<b>Cộng</b>	<b>126.715.776.477</b>	<b>146.459.453.893</b>	<b>19.743.677.416</b>	<b>-</b>	<b>146.459.453.893</b>	<b>150.104.528.133</b>



**Trần Đức Thuận**  
 Tổng Giám đốc

**Nguyễn Xuân Trường**  
 Kế toán trưởng

**Dương Quỳnh**  
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		4.588.196.319	20.223.032.095
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		922.445.311	1.131.734.381
Các khoản dự phòng	03		-	22.694.455.107
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.486.291.534)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.024.350.096	44.049.221.583
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		179.861.936.216	(27.341.892.979)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(43.608.441.481)	4.621.984.651
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(855.416.787)	30.641.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(479.354.679)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		26.762.005	2.008.599.899
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(241.612.215)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>138.728.223.155</b>	<b>23.368.554.339</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		379.556.000.000	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(379.556.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.486.291.534	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>1.486.291.534</b>	<b>-</b>

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(theo phương pháp gián tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(18.125.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	(18.125.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		140.214.514.689	5.243.554.339
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	28.112.730.389	22.869.176.050
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	168.327.245.078	28.112.730.389



**Trần Đức Thuận**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Xuân Trường**  
Kế toán trưởng

**Dương Quỳnh**  
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

***Thành lập***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008;
- Quyết định số 225/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 01 tháng 04 năm 2009 về việc thay đổi trụ sở kinh doanh;
- Quyết định số 294/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 01 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định số 339/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 07 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Trụ sở chính tại số 121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Vốn điều lệ:*** 135.000.000.000 đồng.

***Hoạt động kinh doanh chính trong năm:*** Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

***Tổng số nhân viên*** đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22 người, trong đó 9 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ**

***Kỳ kế toán***

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

***Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)**

***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

***Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

***Tài sản cố định và khấu hao***

***Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình***

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	-	7	năm
Tài sản cố định khác	3	-	4	năm
Phần mềm máy tính	5	-	7	năm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Chi phí chờ phân bổ***

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí sửa chữa hệ thống Ebroker;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Phí quản lý thành viên, sử dụng đường truyền và thiết bị đầu cuối.

***Phải trả và trích trước***

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

***Vốn chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

***Doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

***Tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Tiền cho thuê***

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Công cụ tài chính***

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

**Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

***Các bên liên quan***

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	2.447.294.559	5.347.045.560
Tiền gửi ngân hàng	20.879.950.519	22.765.684.829
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	20.332.679.152	14.610.900.948
Tương đương tiền	145.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>168.327.245.078</b>	<b>28.112.730.389</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 5,8%/năm.

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>
		<i>VND</i>
<b>a) Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>200</b>	<b>2.360.000</b>
- Cổ phiếu	200	2.360.000
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>171.161.015</b>	<b>2.898.976.031.600</b>
- Cổ phiếu	171.160.995	2.898.975.845.600
- Chứng khoán khác	20	186.000
<b>Cộng</b>	<b>171.161.215</b>	<b>2.898.978.391.600</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188

Fax: (08) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU****a. Tình hình tăng giảm các khoản phải thu**

Chi tiêu	Số đầu năm (VND)		Số phát sinh trong năm (VND)		Tổng số	Số cuối năm (VND)		Số dự phòng đã lập (VND)
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	(Giảm)		Số quá hạn	Số khó đòi	
- Phải thu của khách hàng	37.277.638.018	-	13.412.109.925	(50.536.883.307)	152.864.636	-	-	-
- Trả trước cho người bán	-	-	60.000.000	(40.000.000)	20.000.000	-	-	-
+ Ngắn hạn	-	-	60.000.000	(40.000.000)	20.000.000	-	-	-
+ Dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.822.599.707	-	860.287.380.277	(857.457.745.405)	4.652.234.579	-	-	-
+ Phải thu Sở GD&ĐT	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1.822.599.707	-	860.287.380.277	(857.457.745.405)	4.652.234.579	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	404.844.848	(404.844.848)	-	-	-	-
- Phải thu khác	167.694.455.107	-	711.674.445	(145.366.096.667)	23.040.032.885	22.694.455.107	22.694.455.107	22.694.455.107

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)**

**b. Chi tiết các khoản phải thu khác**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	-	35.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thái Bình	-	20.000.000.000
Nguyễn Thị Hoa	-	60.000.000.000
Đỗ Thị Thanh Thủy (*)	1.569.000.000	1.569.000.000
Lê Thị Thành (*)	4.069.115.288	4.069.115.288
Thái Thụy Tuyết Hạnh (*)	7.303.000.000	7.303.000.000
Thái Thụy Tuyết Ngân (*)	9.753.339.819	9.753.339.819
Hòa Thị Lạc	-	30.000.000.000
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	301.277.778	-
Các khoản phải thu khác	44.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.040.032.885</b>	<b>167.694.455.107</b>

(\*) Các khoản phải thu các cá nhân này đã được trích lập dự phòng 100%.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí bảo trì hệ thống Ebroker (1 năm)	140.483.000	-
Phí internet	30.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>170.483.000</b>	<b>-</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tạm ứng	65.712.637	988.972.637
Ký quỹ	102.999.700	2.999.700
<b>Cộng</b>	<b>168.712.337</b>	<b>991.972.337</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tài sản cố định khác VND</i>	<i>Cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.643.441.290	197.155.825	6.840.597.115
Giảm khác (*)	-	(65.402.000)	(65.402.000)
Số dư cuối năm	6.643.441.290	131.753.825	6.775.195.115
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	5.185.245.211	197.155.825	5.382.401.036
Khấu hao trong năm	748.665.597	-	748.665.597
Giảm khác (*)	-	(65.402.000)	(65.402.000)
Số dư cuối năm	5.933.910.808	131.753.825	6.065.664.633
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	1.458.196.079	-	1.458.196.079
Số dư cuối năm	709.530.482	-	709.530.482

(\*) Chuyển sang công cụ, dụng cụ các tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TTBTC ngày 25/04/2013.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.645.048.171 đồng.

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	1.154.058.000
Số dư cuối kỳ	1.154.058.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	708.830.725
Khấu hao trong kỳ	173.779.714
Số dư cuối kỳ	882.610.439
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	445.227.275
Số dư cuối kỳ	271.447.561

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí bảo trì hệ thống Ebroker	-	140.483.000
Phí sửa chữa văn phòng	713.540.820	-
Chi phí chờ phân bổ khác	111.875.967	-
<b>Cộng</b>	<b>825.416.787</b>	<b>140.483.000</b>

**12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.601.633.967	1.601.633.967
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	887.783.508	746.171.293
<b>Cộng</b>	<b>2.609.417.475</b>	<b>2.467.805.260</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**a. Thuế nộp thừa**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - nhân viên công ty	-	9.115.484
Thuế khác	1.000.000	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>10.115.484</b>

**b. Thuế phải nộp**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	65.583.638	700.773.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	943.122.079	479.354.679
Thuế thu nhập cá nhân - nhân viên công ty	63.681.664	-
Thuế thu nhập cá nhân - nhà đầu tư	460.321.017	582.235.487
Các loại thuế khác	26.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.559.008.398</b>	<b>1.762.364.070</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí hoạt động	32.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.500.000</b>	<b>-</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.495.253.700	14.693.487.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư	14.837.425.453	14.608.982.257
Kinh phí công đoàn	104.059.488	107.083.638
Bảo hiểm xã hội	26.471.904	153.453.730
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.195.617.477	37.980.136.073
Trong đó:		
<i>Công ty CP Chứng khoán Phương Đông</i>	<i>2.969.287.034</i>	<i>2.969.287.034</i>
<i>Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)</i>	<i>-</i>	<i>35.000.000.000</i>
<i>Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng</i>	<i>188.320.000</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>38.010.443</i>	<i>10.849.039</i>
<b>Cộng</b>	<b>23.658.828.022</b>	<b>67.543.142.698</b>

**16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	94.515.764	97.432.103
<b>Cộng</b>	<b>94.515.764</b>	<b>97.432.103</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty CP Đại lý Liên hiệp vận chuyển	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty CP Hàng hải Ngân Hà	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty CP Bông Sen Vàng	13.230.000.000	13.230.000.000
Công ty TNHH DV Vận tải tổng hợp V.N.M	13.230.000.000	13.230.000.000
Ông Lê Quang Sự	700.000.000	27.000.000.000
Ông Trần Đức Thuận	6.615.000.000	6.615.000.000
Ông Ngô Thọ Nguyên	6.615.000.000	6.615.000.000
Bà Trần Kiều Minh	6.615.000.000	6.615.000.000
Bà Trần Thị Khôi Nguyên	6.210.000.000	6.210.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hải	6.075.000.000	6.075.000.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	6.075.000.000	6.075.000.000
Bà Dương Quỳnh	6.075.000.000	6.075.000.000
Bà Nguyễn Thị Ái Vân	5.400.000.000	5.400.000.000
Bà Bùi Thị Song Thái	5.400.000.000	5.400.000.000
Trần Thị Thu Thảo	5.260.000.000	-
Nguyễn Thị Quỳnh Anh	5.260.000.000	-
Phạm Văn Thành	5.260.000.000	-
Trần Thị Bích Hạnh	5.260.000.000	-
Ngô Thị Thanh	5.260.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>135.000.000.000</b>

**b. Cổ phiếu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**18. DOANH THU KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi	1.486.291.534	302.374.760
Doanh thu hoạt động ứng trước nhà đầu tư	1.413.647.941	589.352.257
Doanh thu khác	2.758.627	40.334.020.960
<b>Cộng</b>	<b>2.902.698.102</b>	<b>41.225.747.977</b>

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí môi giới kinh doanh	2.626.278.595	1.247.190.691
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	1.251.870
Chi phí hoạt động tư vấn	15.144.175	18.099.409
Chi phí lưu ký chứng khoán	277.819.557	259.172.662
Chi phí khác	1.189.856.601	5.016.006.600
<b>Cộng</b>	<b>4.109.098.928</b>	<b>6.541.721.232</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	4.581.087.101	3.600.433.101
Chi phí vật liệu quản lý	8.683.636	83.211.962
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	7.220.276	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	922.445.311	1.333.298.692
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	25.110.398
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi, phải trả	-	22.694.455.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.227.035.350	1.803.623.121
Chi phí bằng tiền khác	1.086.839.297	305.956.976
<b>Cộng</b>	<b>8.836.310.971</b>	<b>29.846.089.357</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**21. THU NHẬP KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thanh lý tài sản	-	18.000.000
Cho thuê mặt bằng (*)	5.792.281.745	5.819.586.639
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.466.388.889	-
Thu nhập khác	32.711.411	-
<b>Cộng</b>	<b>8.291.382.045</b>	<b>5.837.586.639</b>

(\*) Công ty tận dụng mặt bằng chưa sử dụng để cho thuê tạo thêm thu nhập.

**22. CHI PHÍ KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thanh lý tài sản	-	69.904.874
Cho thuê mặt bằng	24.922.815	-
Chi phí phạt, bồi thường	-	85.934.876
Chi phí khác	9	7.381.484
<b>Cộng</b>	<b>24.922.824</b>	<b>163.221.234</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế (1)	4.588.196.319	20.223.032.095
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán (2)	(301.277.778)	85.934.876
Chuyển lỗ (3)	-	(18.391.548.254)
Thu nhập tính thuế (4) = (1) + (2) + (3)	4.286.918.541	1.917.418.717
Thuế suất (5)	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6) = (4) * (5)	943.122.079	479.354.679

**b. Tình hình quyết toán thuế TNDN**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã được quyết toán với cơ quan thuế đến năm 2010.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	<b>3.645.074.240</b>	<b>19.743.677.416</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
<b>Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)</b>	<b>3.645.074.240</b>	<b>19.743.677.416</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	13.500.000	13.500.000
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>270</b>	<b>1.462</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

121 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3915 2188

Fax: (08) 3915 2189

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>								
Phải thu khách hàng	152.864.636	-	37.277.638.018	-	-	-	152.864.636	37.277.638.018
Trả trước cho người bán	20.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.652.234.579	-	1.822.599.707	-	-	-	4.652.234.579	1.822.599.707
Phải thu khác	23.040.032.885	22.694.455.107	167.694.455.107	22.694.455.107	22.694.455.107	-	345.577.778	145.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.327.245.078	-	28.112.730.389	-	-	-	168.327.245.078	28.112.730.389
<b>Cộng</b>	<b>196.192.377.178</b>	<b>22.694.455.107</b>	<b>234.907.423.221</b>	<b>22.694.455.107</b>	<b>22.694.455.107</b>	<b>173.497.922.071</b>	<b>212.212.968.114</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>								
Phải trả người bán	345.658.098	-	443.693.214	-	-	-	345.658.098	443.693.214
Người mua trả tiền trước	-	-	203.519.994	-	-	-	-	203.519.994
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.559.008.398	-	1.762.364.070	-	-	-	1.559.008.398	1.762.364.070
Chi phí phải trả	32.500.000	-	-	-	-	-	32.500.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.658.828.022	-	67.543.142.698	-	-	-	23.658.828.022	67.543.142.698
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	408.240.000	-	-	-	408.240.000	408.240.000
<b>Cộng</b>	<b>26.004.234.518</b>	<b>-</b>	<b>70.360.959.976</b>	<b>-</b>	<b>26.004.234.518</b>	<b>70.360.959.976</b>	<b>26.004.234.518</b>	<b>70.360.959.976</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**26. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

*i. Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

*ii. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn.

*iii. Rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Công ty không phải chịu rủi ro về giá thị trường vì không nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TC  
T  
H  
K  
N  
N  
HC



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**26. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	
<b>Cuối năm</b>				
Phải trả người bán	345.658.098	-	-	345.658.098
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.559.008.398	-	-	1.559.008.398
Chi phí phải trả	32.500.000	-	-	32.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.658.828.022	-	-	23.658.828.022
Doanh thu chưa thực hiện	408.240.000	-	-	408.240.000
<b>Đầu năm</b>				
Phải trả người bán	443.693.214	-	-	443.693.214
Người mua trả tiền trước	203.519.994	-	-	203.519.994
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.762.364.070	-	-	1.762.364.070
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.543.142.698	-	-	67.543.142.698
Doanh thu chưa thực hiện	408.240.000	-	-	408.240.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**26. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá**

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty; Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn, cũng không bị giảm giá.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> VND	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i> VND	<i>Giảm giá</i> VND
Phải thu khách hàng	152.864.636	-	-
Phải thu khác	23.040.032.885	22.694.455.107	-

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm**

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị</i> VND
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	Cổ đông	Thanh lý hợp đồng hợp tác	35.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	1.431.500.000
Công ty CP Hàng hải Ngân Hà	Cổ đông	Thanh lý hợp đồng hợp tác	35.000.000.000
		Thu lãi hợp đồng hợp tác	2.466.388.889

**b. Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	480.000.000	-
Lương và các quyền lợi gộp khác của Ban Tổng Giám đốc	236.234.625	-

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**c. Số dư công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan**

<i>Đối tượng</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>
		<i>VND</i>
Hội đồng Quản trị	Thù lao	(180.000.000)
Ban Tổng Giám đốc	Lương	(84.918.000)

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (American Auditing).

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



**Trần Đức Thuận**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Xuân Trường**  
Kế toán trưởng

**Dương Quỳnh**  
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015